



ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: TOÁN - LỚP 8

Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề

Phát hành ngày 23/10/2026

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: T8.GK1.034

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tam giác ABC có $AB = 14$ cm, $BC = 20$ cm, $CA = 28$ cm. M, N, P lần lượt là trung điểm AB, BC, CA . Tính MN .

- A. 14 cm B. 7 cm C. 28 cm D. 10 cm

Câu 2. Tam giác ABC có $AB = 48$ cm, $AC = 24$ cm, $BC = 63$ cm. Phân giác góc A cắt BC tại D . Tính tổng $AC + DC$ (đơn vị cm).

- A. 66 cm B. 45 cm C. 87 cm D. 48 cm

Câu 3. Cho đơn thức $M = (3x^2y^1) \cdot (7xy)$. Biết $x = 2, y = 1$ khi cần tính giá trị. Ký hiệu dạng thu gọn là Cx^uy^v . Tính giá trị của M tại điểm đã cho.

- A. 168 B. 63 C. 84 D. 80

Câu 4. Khung cửa hình chữ nhật có chu vi ngoài 70 cm, chiều dài gấp $\frac{4}{3}$ chiều rộng. Khung rộng đều 4 cm ở cả bốn phía; ô cửa trong cũng là hình chữ nhật. Tính diện tích vật liệu làm khung.

- A. 280 cm^2 B. 64 cm^2 C. 216 cm^2 D. 84 cm^2

Câu 5. Tứ giác lồi $ABCD$ có $\hat{A} = 46^\circ$, $\hat{B} = 94^\circ$, và $\hat{D} - \hat{C} = 94^\circ$. Tính $\hat{D}$ theo độ.

- A. 63° B. 220° C. 157° D. 117°

Câu 6. Trong tam giác ABC , $D \in AB$, $E \in AC$, $DE \parallel BC$. Biết $AD = 3$ cm, $AB = 9$ cm, $AE = 9$ cm. Tính AC theo cm.

- A. 9 cm B. 3 cm C. 36 cm D. 27 cm

PHẦN II. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 7. Mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài $(3x + 10)$ m, chiều rộng $(8x + 4)$ m; $x > 0$. Khai triển diện tích thành $Ax^2 + Bx + C$. Tính diện tích khi $x = 2$.

Câu 8. Cho $P(x) = 6x^2 + 4x + 7$ và $Q(x) = -6x^2 + 6x + 5$. Xét đa thức $S(x) = P(x) + Q(x)$. Tìm hệ số tự do của $S(x)$.

Câu 9. Hai số dương $a > b$ có $a + b = 18$ và $a - b = 6$. Tính ab bằng hằng đẳng thức.

Câu 10. Cho $P = 45x^6y^3$ và $Q = 9x^4y^1$, với $x, y \neq 0$. Tìm hệ số của đơn thức $P : Q$.